

Phẩm thứ ba mươi hai: CHỮ BỒ TÁT TRÚ XỨ

A- Ý ĐƯA RA: Trước đây dựa theo lợi ích giáo hóa tận cùng tất cả thời gian, nay trình bày về Bồ-tát có khắp tất cả mọi nơi, cho nên tiếp theo đưa ra.

Trong phẩm A-tăng-kỳ trình bày về pháp giới ở đầu mảy lông, đều có rất nhiều Phổ Hiền, đây là dựa vào Thật mà bàn. Nay dựa theo cơ duyên thích hợp, có phương hướng xứ sở dựa vào, khiến cho chúng sinh vui mừng-chấn ngán, khởi tâm có nơi quay về. Nếu nhận biết mảy lông hàm chứa vô số thế giới là nơi Bồ-tát có thể trú vào, mảy trần dung nạp vô biên thế giới là nơi Bồ-tát đã trú vào, thì không có một phương nào không phải là trú xứ của Bồ-tát. Cũng là giải đáp xa câu hỏi về biển thọ lượng trước đây, Bồ-tát tùy theo căn cơ mà trú trong thọ mạng khác nhau. Xưa đem phẩm này giải đáp xa về ý của mười câu hỏi ở đầu Hội thứ hai, không những ý nghĩa không giống nhau, mà văn cũng không theo tự tự với nhau.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Bồ-tát Đại Bi tùy theo căn cơ, trú xứ có thể trú vào không phải là một, cho nên gọi là Chư (nhiều, các). Trú xứ của các Bồ-tát, cho nên dùng làm tên gọi.

C-TÔNG THỨ: Tùy theo căn cơ thích ứng mà cảm đến phương hướng xứ sở làm Tông, khiến cho chúng sinh quay về nương tựa và tỏ ngộ không có phân biệt làm Thứ.

D- CHÍNH THỨC GIẢI THÍCH VĂN, trong văn có hai: Một- Người kết tập kinh pháp thuật lại, cũng là Tâm Vương thuyết giảng, bởi vì tùy theo Vương đã thâm nhiếp đều tự tại, cũng biểu thị cho tâm tùy theo Trí an trú mà không có chướng ngại. Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức thuyết giảng về trú xứ.

Có hai mươi hai trú xứ: Mười trú xứ trước dựa vào núi-biển ở tám phương, bởi vì từ trên xuống dưới không phải là phạm phu đến được, cho nên không trình bày. Núi-biển bao bọc giữ gìn, Nhân-Trí dừng lại nghỉ ngơi, vốn biểu thị cho Đại Trí cao sâu, mà có thể dừng nghỉ-có thể soi chiếu. Mười hai trú xứ sau, ở xen lẫn trong thành ấp, tùy thuận tận cùng căn cơ chúng sinh, vốn biểu thị cho Đại Bi không sót lại gì, thì biết Bồ-tát ở tất cả mọi nơi.

Mười trú xứ trước: Trú xứ thứ 6 là núi ở trong biển, trú xứ thứ 10 là hang ở trong biển, trú xứ còn lại đều là núi.

1- Núi Tiên Nhân, tương truyền là núi Bồng Lai ở biển Đông. Nếu như vậy thì cũng bao gồm biển.

2- Thảng Phong, tức là trú xứ của Đức Vân. Bản kinh thời Tấn gọi là núi Lô Các, tức là nơi cư trú của Bà-thi-la.

3- Kim Cang Diệm, ở bờ của biển Tây.

4- Núi Hương Tích, xưa nói đúng là Hương Sơn ở phía Bắc của núi Tuyết.

5- Núi Thanh Lương, tức là núi Ngũ Đài ở quận Nhạn Môn thuộc Đại Châu. Trong đó hiện có chùa Thanh Lương, bởi vì băng cứng phủ dày quanh năm, mùa Hạ vẫn có tuyết rơi, hầu như không có nắng nóng, cho nên gọi là Thanh Lương.

Năm ngọn núi sừng sững vút cao, đỉnh núi không có cây rừng, có đài cao như bức tường đất, cho nên gọi là Ngũ Đài, biểu thị cho bậc Đại Thánh đã tròn vẹn năm Trí, đã thanh tịnh năm Nhãn, đầy đủ bí mật chân thật của năm Bộ, thông suốt nguồn cội chân thật của năm Ấm, mà đầu đội mũ của năm vị Phật, đánh phân ra nhục kế của năm Phương, vận dụng yếu chỉ của năm Thừa, làm sạch tai họa của năm Trước.

Nhưng chỉ nói đến phương Đông Bắc, thì lời ấy hãy còn tản mạn. Dựa theo kinh Bảo Tạng Đà La Ni nói: “Sau khi Ta diệt độ, ở phương Đông Bắc của châu Thiệm Bộ, có cõi nước tên gọi Đại Chấn Na, trung tâm cõi nước ấy có núi gọi là Ngũ Đảnh, Đồng tử Văn Thù Sư Lợi qua lại cư trú, ở trong đó thuyết pháp cho các chúng Bồ-tát, cùng với vô lượng vô số Dược-xoa, La-sát, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và Phi nhân..., vây tròn xung quanh cung kính cúng dường.” Lời này đã rõ ràng. Dấu tích linh thiêng của núi ấy đầy đủ trong các truyện ký.

Tuổi còn trẻ tôi tìm theo điển tích ấy, mỗi lần đến đoạn văn này đều gấp sách thở dài, liền phó thác thân mạng vạn dặm không xa, nương vào Thánh cảnh để tự khuyên nhủ mình. Ở đó mười năm, nghe và nhìn sự cảm ứng ấy rõ ràng khắp nơi. Đến cảnh sắc mùa Hạ thì sự việc thù thắng càng nhiều, Long cung rõ ràng bày ra ngàn vàng trắng giữa đêm đen, cỏ non mềm mại khoe sắc trăm hoa trong ánh bình minh. Có lúc vạn Thánh hiển hiện giữa hư không, có lúc mây năm màu cuộn trên đỉnh núi, vàng sáng tròn rọi xuống núi xanh, chim tốt lành bay giữa khói mây, chỉ nghe tên gọi của Đại Thánh, không còn lo nghĩ của nhân gian. Người đi vào cảnh Thánh tiếp bước theo nhau, người thay đổi tâm phàm kể vai bên nhau, nhìn nhau cùng nói là không phải bình thường, nhìn thấy đều là Phật sự. Thế núi ấy, chùa viện nhà cửa khó mà nói hết.

Từ khi Đại Sư ẩn tích ở Tây Thiên, cho đến Diệu Đức thị hiện ở Đông Hạ, tuy Pháp thân thường tồn tại, mà núi Kê Túc trống rỗng, cỏ cây rậm rạp hoang vu, ứng hiện lại có phương hướng.

Thứu Lãnh có được tên gọi từ cõi này, Thần Tăng hiển hiện ở cảnh giới linh thiêng, Tuyên Công hưởng lên tiếp nhận ở chư Thiên, Hán Minh Đế bắt đầu từ lòng tôn kính, Ngụy Đế được tin phục do cảm hóa đến cùng, Bắc Tề nhiều châu quận mà dốc hết bổng lộc.

Chín vua thời nhà Đường trở lại rực sáng, năm nước Thiên Trúc quên thân mà lao nhanh như gió, tám nước láng giềng mất mạng mà tranh nhau nhờ cậy. Có người ở Thần Châu mà suốt một đời không đến, cũng nào khác gì ba ức người ở thành Xá-vệ? Nguyện đều tu dưỡng cung kính!

6- Núi Kim Cang, là vùng Cận Đông của biển Đông có núi tên gọi là Kim Cang, tuy không phải toàn thể là vàng, mà từ trên xuống dưới và bốn phía cho đến giữa núi, cát trong dòng nước chảy ra thấy đều có vàng, từ xa nhìn về thì nói toàn thể là vàng. Lại người ở phía Đông của biển từ xưa tương truyền rằng: “Núi này thường thường có Thánh nhân xuất hiện.”

Nhưng bản kinh thời Tấn nói nơi này là trú xứ thứ 9, bởi vì cùng với hang Trang Nghiêm là trú xứ thứ 10 đều ở trong biển, mà nay ở kinh này thì ý là trong tám phương, vốn thuộc về phương Đông Bắc. Nếu không như vậy, thì vì sao đang nói về tám phương, lại bỗng nhiên nói đến biển?

Lại bản kinh thời Tấn nói: “Trong biển có hai trú xứ, một trú xứ gọi là Chỉ-đất-na, hiện có Bồ-tát tên gọi Đàm-vô-kiệt, có một vạn hai ngàn Bồ-tát quyến thuộc.”

Nói là Chỉ-đất, đầy đủ nói là Nặc-chỉ-đa, Trung Hoa nói là Dũng Xuất. Kim Cang nói về Thể, Dũng Xuất nói về Trạng (Hình dạng). Đàm-vô-kiệt, Trung Hoa nói là Pháp Sinh, cũng nói là Pháp Dũng, cũng nói là Pháp Thượng. Nay nói là Pháp Khởi, nghĩa giống nhau với Sinh-Dũng, tức là bạn của Bồ-tát Thường Đề. Bồ-tát quyến thuộc gấp mười lần so với kinh này, hoặc là trước đây dịch nhầm.

7- Núi Chi-đề, Trung Hoa nói là nơi phát sinh niềm tin thanh tịnh. Có Xá-lợi thì gọi là Tháp, không có Xá-lợi thì gọi là Chi-đề. Hoặc là hình dáng của núi tựa như tòa tháp, hoặc là ở núi ấy có Chi-đề, cho nên dùng làm tên gọi.

Xưa nói rằng: “Đã dựa vào núi Thanh Lương làm phương Đông Bắc, thì phương Đông Nam chịu ảnh hưởng của Ngô-Việt. Nhưng Ngô-Việt tuy nhiều núi linh thiêng, mà chọn lấy hình dạng tương tự, là núi Xích Thành ở phía Nam của núi Thiên Thai, vút thẳng lên trong mây đỏ rực như lúc mặt trời mọc, đá núi-cây cối chiếu rọi lẫn nhau phân ra

thành mấy tầng, trong đó có dấu chân để lại của Bạch Đạo Du, có lẽ chính là nơi đó.”

Nhưng vùng Kiếm Xuyên có núi Tam Học, trong đó có Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, thường cầm đèn mà xuất hiện. Tên gọi tuy không giống nhau, mà Thiên Trúc nhìn về thì chính là phương Đông Nam. Cũng có người thấy vị ấy cầm mũ quý báu, thì bí mật nêu ra tên gọi ấy, mong các bậc Hậu Hiền suy xét kỹ càng về điều đó!

8- Núi Quang Minh, xưa nói: Đúng là nối liền nhau với núi Bồ-đát Lạc-ca. Bởi vì bản dịch thời Tấn nói Bồ-tát Quán Âm trú ở núi là Quang Minh, văn này thì không phải là trú xứ của Bồ-tát Quán Âm, mà nói Quang Minh cho nên nói là nối liền nhau.

9- Núi Hương Phong, nghi là phía bờ Tây của Hương Sơn.

10- Hang Trang Nghiêm, đối với trú xứ thứ 6 ở trong biển trên đây, cho nên nói là lại có. Bản kinh thời Tấn nói: “Trú xứ thứ 2, gọi là hang Công Đức Trang Nghiêm.”Mười hai trú xứ sau, ở xen lẫn trong thành ấp:

1. Tỳ-xá-ly tức Tỳ-da-ly, Trung Hoa nói là thành Quảng Nghiêm, cũng gọi là Quảng Bác, tức là khu thành mà Tịnh Danh cư trú, thuộc Trung Ấn Độ. Nói ở phía Nam, dựa vào Tây Vực Ký quyển thứ 7 nói: “Về phía Nam khu thành này khoảng 14-15 dặm có tòa tháp, là nơi bảy trăm vị Hiền Thánh kết tập lại kinh điển. Lại về phía Nam khoảng 80-90 dặm có ngôi Tăng Già-lam, bên cạnh nơi ấy có pháp tòa của bốn vị Phật quá khứ, và nơi để lại dấu tích kinh hành, đúng là nơi này.”

Bản kinh thời Tấn quyển thứ 2 nói: “Lại có một trú xứ, gọi là ấp Ba-liên-phất.” Có nơi gọi là Tăng Già-lam Kim Đăng. Xưa nói: “Đây đủ nói là Ba-tra Bồ-đát-la, Trung Hoa nói là Hoàng Hoa Tử, tức là con trai của người nữ Hoàng Hoa sáng lập ở tại nơi này, cũng là nước Magià-đà ở Trung Thiên Trúc. Đây đủ như Tây Vực Ký quyển thứ 8.”

Nay kinh thiếu một trú xứ này.

2. Ma-độ-la, cũng nói là Ma-thâu-la, Trung Hoa nói là Khổng Tước, cũng nói là Mật Cái, đều là dựa vào sự việc của đời xưa mà gọi tên, cũng thuộc Trung Ấn Độ.

Nói hang Mãn Túc, là nước ấy có tháp thờ Xá-lợi-phất..., và tháp thờ Văn Thù Sư Lợi, ở phía Đông của Vương Thành khoảng 5-6 dặm có chùa núi, là chùa do Ô-ba-cúc-đa đã tạo lập, phía Bắc có núi cao, ở giữa có hang đá, là nơi xếp thể độ người của Ô-ba-cúc-đa, đầy đủ như Tây Vực Ký quyển thứ 4 trình bày. Xếp thể tuy là sự việc về sau, nhưng phần nhiều là xếp trong hang Thánh.

3. Câu-trần-na, nói đầy đủ là Câu-trần Na-da. Câu-trần là tộc họ, Trung Hoa nói là Đại Bôn; Na-da là pháp luật, nghĩa là hình dáng của hồ như cái chậu lớn, xưa kia có vị Tiên ở bên cạnh hồ tu dưỡng pháp luật, người đời sau lấy điều này làm tộc họ, nhân đó trở thành tên gọi của khu thành.

4. Khu thành Thanh Tịnh Bỉ Ngạn, là thuộc Nam Ấn Độ. Mục Chân, Trung Hoa nói là Giải Thoát, chính là tên gọi của loài rồng, Lân Đà nói là Xứ, tức là nơi cư trú của loài rồng.

5. Nước Ma-lan-đà, chưa rõ về nơi chốn. Bản kinh thời Tấn không có nước này, chỉ nói là Phong Địa, nghĩa là nơi có hang gió, tức là chỗ ở của loài rồng.

6. Nước Cam-bồ-già, chính xác nói là Cám Bồ, tức là tên gọi của quả cây. Quả này đỏ trắng tròn đầy, dựng đứng tựa như Táo đỏ nhỏ (Lâm cầ) ở phương này, mà bụng có ba đường thắt ngang. Nước này nhiều người nữ đoan chánh, mà tựa như Cám Bồ có được ba đường thắt, dùng người nữ để gọi tên nước. Sinh ra tâm Từ, trong kinh Đại Tập chỉ gọi là hang Từ.

7. Nước Chấn Đán, tức là nước Đại Đường này, cũng nói là Chân Đan, hoặc nói là Chi Na, đều là âm tiếng Phạn của Sở-Hạ, Trung Hoa nói là Đa Tư Duy, bởi vì tâm tình suy nghĩ nhiều điều. Bởi vì trước đây làm thành tám phương, Thanh Lương thẳng thắn nói là phương Đông Bắc, nay thuộc về chủng loại của các nước, cho nên nêu ra tên gọi của nước.

Na-la-diên, Trung Hoa nói là Kiên Lao, xưa nói: “Ngay nơi ranh giới của Thanh Châu có núi Đông Lao, hiện có Thánh tích của Cổ Phật.” Điều này là đúng. Nhưng núi Đông Lao chính là Đẳng Châu, cũng là ranh giới của Thanh Châu, núi ấy cũng nhiều di tích linh thiêng. Nhưng nay đến núi này, ở phía Đông của Uất Châu, di tích linh thiêng nổi bật không kém Thanh Lương, đương thời gọi là nơi cư trú của Phổ Hiền, thường thường có người nhìn thấy. Núi ấy cũng có năm Đài, Đài phía Nam có hang sâu khó biết đến đáy của hang ấy, đương thời gọi là hang Na-la-diên, có lẽ chính là nơi này.

8. Nước Sơ-lặc, nói đầy đủ là Khư-lộ Số-đát-lặc, là tên núi của nước ấy, nhờ vào núi mà lập tên gọi. Hoặc phiên ra là Ác Tánh, dựa vào người trong nước mà lập tên gọi. Nhưng núi Ngưu Đầu thuộc về nước Vu Điền bây giờ, Trung Hoa nói là Địa Nhữ, Phật diệt độ một trăm năm mới thành lập nước này, đầy đủ như Tây Vực Ký trình bày. Bởi vì lúc kết tập kinh điển chưa tách ra, hãy còn thuộc về nước Sơ-lặc mà thôi.

Bản kinh thời Tấn chỉ nói là Biên quốc, bởi vì có lẽ dựa vào Trường Giang để nêu rõ Ngưu Đầu. Nay bản dịch đã rõ ràng, xác định không phải là nơi này.

9. Nước Ca-thấp Di-la, thời Tấn dịch là Kế Tân, ở đây phiên ra là A Thùy Nhập, tức là trú xứ của Mạt Điện Khất Địa, sơ lược như âm nghĩa, mở rộng như Tây Vực Ký quyển thứ 3.

10. Khu thành Tăng Trưởng Hoan Hỷ, xưa giải thích rằng: “Tức là thuộc Nam Ấn Độ, hang Tôn Giả chính là nơi cư trú của Thượng tọa bộ.

11. Am-phù Lê-ma, Trung Hoa nói là Vô Cấu, tức là tên gọi của quả cây, nước này có nhiều mà lại rất ngon, cho nên dùng làm tên nước, thuộc về phạm vi Trung Ấn Độ.

12. Nước Càn-đà-la, Trung Hoa nói là nước Trì Địa, hộ trì nhiều người đạt được Đạo quả, bởi vì không để cho nước khác xâm lấn làm hại; hoặc nói là Hương Biển, bởi vì khắp nước cỏ thơm phát sinh trước hết.

Chiêm-bà-la, là tên gọi của loại cây có hoa thơm, cùng với loại cây Chiêm-mạt-la nói ở phẩm đầu, tiếng Phạn nói có nặng nhẹ mà thôi. Khắp nơi gần bên cạnh hang mọc nhiều loại cây này, tương truyền rằng: Hang này là nơi lưu lại hình ảnh của Đức Phật. Đầy đủ như Tây Vực Ký và kinh Đại Tập-phần Nguyệt Tạng thứ 10. Cuối cùng của văn này cũng không có kết thúc, hoặc là Kinh đưa ra chưa hết. Cõi Diêm-phù đã như vậy, thì phương khác-thế giới khác, thế giới chủng loại khác... có thể phỏng theo đây, thân mây pháp giới thì không có nơi nào mà không có.
